

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Thanh Tú
Ông Nguyễn Văn Chuẩn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung Ki, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 07, đường S, khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Trương Thị Bông T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: USA (Hoa Kỳ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn anh Nguyễn Trung K trình bày: Anh và chị Trương Thị Bông T kết hôn với nhau vào năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại Việt Nam được 01 tháng thì Chị Trương Thị Bông T xuất cảnh trở về Hoa Kỳ và làm thủ tục bảo lãnh anh sang định cư tại Hoa Kỳ, nhưng qua ba lần phỏng vấn đều không đạt nên anh vẫn ở lại Việt Nam. Do mỗi người sinh sống ở một nơi, không có điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc

nên anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Trương Thị Bông T.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn chị Trương Thị Bông T trình bày: Chị cũng đồng ý ly hôn với anh K; vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh K và chị Trương Thị Bông T kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh K và chị Trương Thị Bông T đều tự nguyện ly hôn với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh K với chị Trương Thị Bông T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Trung K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 30). Bị đơn chị Trương Thị Bông T có ý kiến trình bày bằng văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử sớm hơn so với thời hạn mở phiên tòa ghi trong thông báo về việc thụ lý vụ án (BL 22). Đồng thời, chị Trương Thị Bông T lập văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1992; địa chỉ ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh làm đại diện để nhận văn bản tố tụng, bản án, quyết định của Tòa án (BL 25, 29). Do đó, căn cứ vào Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị Trương Thị Bông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh K và chị Trương Thị Bông T kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nay, anh K và chị Trương Thị Bông T tự nguyện ly hôn với nhau, sự tự nguyện ly hôn giữa anh K và chị Trương Thị Bông T không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận thuận tình ly hôn giữa anh K và chị Trương Thị Bông T.

[3] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, buộc anh Nguyễn Trung K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Trung K đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0006898 ngày 05-12-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung K và chị Trương Thị Bông T. Không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Trung K.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung K và chị Trương Thị Bông T.

2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Trung K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Trung K đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0006898, ngày 05-12-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được

bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Đường sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê